ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 1048 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 28 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Nhiệm vụ: Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về việc quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/06/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1932/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019";

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Phương án thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

Căn cứ Văn bản số 1166/VPCP-NN ngày 23/02/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 (kèm theo Văn bản số 795/BTC-NSNN ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính về việcđề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất);

Căn cứ Văn bản số 1855/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 22/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 từ ngân sách Trung ương;

Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh: Số 167/KH-UBND ngày 25/7/2019 về việc thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ; số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 về giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4386/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về việc phê duyệt dự toán kinh phí và giao nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 496/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 về điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 4386/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1313/STC-HCSN ngày 16/3/2022 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán ngày 03/3/2022); của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1050/TTr-STN&MT ngày 28/10/2021 (kèm theo hồ sơ quyết toán).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên nhiệm vụ: Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Phạm vi thực hiện nhiệm vụ: Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Thời gian khởi công – hoàn thành: Tháng 8/2019 – tháng 9/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư: *Đơn vị tính: Đồng*

Nguồn vốn	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	**40.285.908.000**	**22.930.000.000**	**17.355.908.000**
Nguồn vốn ngân sách tỉnh	40.285.908.000	22.930.000.000	17.355.908.000

2. Chi phí đầu tư: *Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Làm tròn	**48.092.000.000**	**40.285.908.000**
Tổng số	48.091.487.558	40.285.908.000
1. Chi phí hội nghị triển khai, tập huấn ở cấp tỉnh		

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
2. Chi phí hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện, tổ công tác cấp xã	1.195.412.000	622.612.000
3. Chi phí công tác chuẩn bị và thực hiện kiêm kê đất đai; chi phí lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	42.482.009.213	37.697.225.000
4. Chi phí khảo sát, lập phương án kiểm kê - dự toán (tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp)	357.947.030	357.947.000
5. Chi phí kiểm tra nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai (tính 4% chi phí kiểm kê đất đai, 3% chi phí lập bản đồ hiện trạng)	1.643.338.807	1.533.124.000
6. Chi phí tuyên truyền	82.500.000	75.000.000
7. Chi phí lựa chọn nhà thầu	97.134.040	
8. Kinh phí dự phòng (tính 5%)	2.233.146.468	

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị công trình: Không

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	**40.285.908.000**			
- Tài sản cố định (giá trị tài sản bàn giao cho đơn vị sử dụng)	40.285.908.000			
- Tài sản lưu động				

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn vốn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	**40.285.908.000**	
Nguồn vốn ngân sách tỉnh	40.285.908.000	

Tổng các khoản công nợ tính đến thời điểm báo cáo quyết toán, số tiền là: 17.355.908.000 đồng, cụ thể:

TT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền phải trả
	Tổng cộng		**17.355.908.000** đồng
1	Đoàn Đo đạc bản đồ và quy hoạch	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	5.873.762.000 đồng
2	Trung tâm Công nghệ thông tin	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	1.727.356.000 đồng
3	Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	8.873.766.000 đồng
4	Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	191.054.000 đồng
5	Trung tâm Định giá đất và Kiểm định địa chính	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	110.044.000 đồng
6	Ban quản lý các dự án đo đạc và bản đồ	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	296.629.000 đồng
7	Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 7 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	135.397.000 đồng
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	Chi phí hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện, tổ công tác cấp xã	147.900.000 đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
Tổng số	**40.285.908.000**	
Sở Tài nguyên và Môi trường	40.285.908.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Hạch toán theo chế độ hiện hành

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Thanh toán theo chế độ hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4, QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, NN.

(MC62.03.22)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang